

THỰC TRẠNG XU HƯỚNG NGHỀ SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH ĐỊNH

Phạm Thị Hồng Phú

Trường Cao đẳng Bình Định
Email: vinhhai226@gmail.com

Article History

Received: 15/3/2020

Accepted: 10/4/2020

Published: 30/4/2020

Keywords

pedagogical trends, students,
preschool education.

ABSTRACT

Good career orientation helps students determine the appropriate direction for their studies, training and future careers. However, in fact, many pre-school pedagogical students of Binh Dinh College choose careers not based on their strong orientation towards pedagogy. Survey of vocational orientation of students of Binh Dinh College by questionnaire and in-depth interview data shows that their orientation to teaching career is still average and there are some factors that affect their level of instructional orientation. The survey results are the basis to propose some appropriate methods to help students to have better studying and career orientation.

1. Mở đầu

Để đạt kết quả cao trong hoạt động nghề nghiệp, mỗi người phải có sự say mê, hứng thú với nghề. Sinh viên (SV) sư phạm (SP) trong quá trình học tập tại trường SP cần phải có xu hướng nghề, tức là có sự định hướng rõ ràng trong học tập và rèn luyện. Xu hướng nghề bắt đầu từ việc “tìm tòi một cách nghiêm túc chỉ hướng lao động của mình” và “khát khao chọn nghề nghiệp tương lai” (V.A Cruchetxki, tập II, 1981, tr 49). Như vậy, xu hướng nghề SP là khuynh hướng hoạt động SP và khát vọng thực hiện hoạt động này cũng như nhu cầu về nghề đã chọn. Theo các nhà SP, xu hướng nghề SP của SV được thể hiện ở nhu cầu, hứng thú về nghề, động cơ lựa chọn nghề và có khuynh hướng trong học tập, rèn luyện với nghề (Nguyễn Thạc và Phạm Thành Nghị, 2007, tr 58). Như vậy, xu hướng nghề của SV SP biểu hiện ở nhiều mặt hoạt động nghề của SV. Việc nghiên cứu xu hướng nghề SP của SV có ý nghĩa lớn đối với học tập, rèn luyện nghề ở SV và công tác đào tạo ở nhà trường và cần phải được xem xét ở nhiều mặt thì mới có sự nhận định chính xác và đề ra những biện pháp tác động phù hợp nhằm góp phần định hướng cho SV học tập, rèn luyện nghề tốt hơn.

2. Kết quả nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: Để nghiên cứu xu hướng nghề SP, tác giả đã tiến hành khảo sát 300 SV hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non (GDMN) thuộc Khoa SP, Trường Cao đẳng Bình Định, gồm 100 SV năm thứ nhất, 120 SV năm thứ hai, 80 SV năm thứ ba. Thời điểm khảo sát giữa học kì 2 năm học 2018-2019 khi hầu hết SV đã làm quen với môi trường SP và đều có kết quả học tập học kì 1 của bản thân.

Phương pháp nghiên cứu: điều tra bằng bảng hỏi, quan sát, phỏng vấn. Kết quả khảo sát được phân tích bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 20. Chỉ số Cronbach's Alpha của bảng hỏi là 0,811, cho thấy bộ công cụ được sử dụng để nghiên cứu có độ tin cậy cao, đảm bảo độ chính xác của kết quả khảo sát.

Thang đánh giá: Việc đánh giá dựa vào điểm trung bình, quy ước điểm cho các mức độ trả lời như sau: Có 5 mức độ: Mức độ 5 (hoàn toàn đúng với tôi, rất thường xuyên, rất cần thiết...): 5 điểm; Mức độ 4 (đa phần đúng với tôi, cần thiết, thường xuyên...): 4 điểm; Mức độ 3 (nửa đúng nửa sai, ít cần thiết, thỉnh thoảng...): 3 điểm; Mức độ 2 (chỉ đúng một phần, không cần thiết, hiếm khi...): 2 điểm; Mức độ 1 (hoàn toàn không đúng với tôi, hoàn toàn không cần thiết, không bao giờ,...): 1 điểm. Tương ứng với 5 mức độ trên, có 5 khoảng đánh giá với giá trị chênh lệch của mỗi khoảng là 0,79; cụ thể như sau: Điểm trung bình từ 1-1,79: tương ứng với mức độ 1; Điểm trung bình từ 1,80-2,59: tương ứng với mức độ 2; Điểm trung bình từ 2,60-3,39: tương ứng với mức độ 3; Điểm trung bình từ 3,40-4,19: tương ứng với mức độ 4; Điểm trung bình từ 4,20-5,00: tương ứng với mức độ 5.

2.1. Lí do chọn nghề sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Xu hướng nghề SP thể hiện ở nhiều mặt trong hoạt động nghề nghiệp. Yếu tố đầu tiên liên quan tới xu hướng nghề nghiệp của SV là động cơ chọn nghề. Động cơ chọn nghề là cơ sở nhận định ban đầu về hứng thú, sở thích và hành động của SV đối với nghề SP.

Bảng 1. Lí do chọn nghề SP của SV GDMN

STT	Lí do chọn nghề SP	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Nghề này phù hợp với năng lực của bản thân	3,30	1,069	9
2	Yêu thích nghề này và mong muốn trở thành giáo viên	3,63	1,213	6
3	Muốn có công việc ổn định	3,34	1,046	8
4	Nghề này dễ xin việc làm hơn sau khi ra trường	3,78	1,052	3
5	Muốn học gần nhà cho đỡ tốn kém	3,79	1,171	2
6	Ngành này không phải đóng học phí	4,16	1,006	1
7	Đây là nghề được xã hội coi trọng, tôn vinh	3,70	1,116	5
8	Nghe theo lời khuyên của cha mẹ, bạn bè, GV	3,11	1,313	13
9	Muốn đóng góp sức lực của mình cho sự phát triển xã hội	3,74	1,057	4
10	Yêu trẻ, rất thích được làm việc với trẻ	3,25	1,085	11
11	Truyền thống gia đình là giáo viên	2,17	1,347	15
12	Nghề này phù hợp với tính cách của bản thân	3,37	1,088	7
13	Muốn có nhiều thời gian chăm lo cuộc sống gia đình sau này	3,29	1,078	10
14	Thi không đỗ vào các trường khác	2,85	1,486	14
15	Thời gian học ngắn (2-3 năm)	3,21	1,412	12

Kết quả khảo sát về động cơ chọn nghề ở *bảng 1* cho thấy, SV chọn nghề SP với nhiều lí do khác nhau. Đa số SV được khảo sát đều xác nhận: chọn nghề SP vì *không phải đóng học phí, muốn đóng góp sức lực của mình cho sự phát triển xã hội*, học nghề này vì *muốn học gần nhà cho đỡ tốn kém và là ngành dễ xin việc làm hơn sau khi ra trường*. Khi phỏng vấn sâu một số SV về lí do đến với ngành GDMN, em L.M.P, SV năm thứ nhất, lớp CM17A chia sẻ: “*Em đăng kí học ngành SP mầm non một phần vì em yêu trẻ nhưng quan trọng hơn là nó phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình em (không đóng học phí), lại gần nhà*”. Sự nhận thức trên cho thấy, việc chọn nghề của SV liên quan đến kinh tế của gia đình, do muốn gần nhà chứ không phải xuất phát từ sự yêu thích nghề dạy học. Phương án “*chọn nghề SP do có hứng thú với nghề dạy học, có năng khiếu với nghề hoặc lòng yêu trẻ*” cũng được SV lựa chọn nhưng không xếp ở mục ưu tiên. Sự nhận thức này sẽ có những ảnh hưởng không tốt đến kết quả học tập và rèn luyện nghề SP của SV. Thực tiễn cho thấy, một số SV trong quá trình học tập ở trường SP mới nhận ra nghề dạy học chưa thực sự phù hợp với mình. Điều này gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc học tập cũng như quá trình công tác của các em ở các cơ sở GDMN sau này, vì nếu không có hứng thú với nghề nghiệp thì khó có thể làm tốt công việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Kết quả khảo sát cho thấy, cần quan tâm hơn nữa đến công tác giáo dục định hướng nghề để các em xác định nghề đúng đắn, phù hợp với hứng thú, sở thích và năng lực của bản thân, từ đó có nhiều cống hiến hơn với nghề dạy học.

2.2. Xu hướng nghề sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non biểu hiện qua nhận thức

Bảng 2. Tự đánh giá xu hướng nghề SP của SV ngành GDMN biểu hiện qua nhận thức

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Nghề dạy học rất hợp với tính cách bản thân	3,80	0,885
2	Thấy bản thân có năng khiếu dạy học	3,84	0,908
3	Nghề SP phù hợp với nguyện vọng của bản thân	3,57	0,779
4	Nghề SP khiến bản thân càng yêu trẻ, thích làm việc với trẻ	3,81	0,936
5	Sự lựa chọn nghề SP là hoàn toàn đúng đắn	3,67	0,889
ĐTB chung		3,74	

Số liệu ở *bảng 2* cho thấy, SV GDMN có nhìn nhận khá tích cực đối với nghề SP (ĐTB chung 3,74, tương ứng với mức độ 4 “*Đa phần đúng với tôi*”). Trong đó, phần lớn SV cho rằng bản thân có năng khiếu với nghề dạy học (có đến 211/300 SV cho là “*đa phần đúng*” và “*hoàn toàn đúng*”, chiếm 70,3%). Bên cạnh đó, SV GDMN còn nhận thấy rằng: qua quá trình học, các em “*càng yêu trẻ, thích làm việc với trẻ*” với ĐTB là 3,81 (trong đó có 195/300 SV cho rằng nội dung này đa phần và hoàn toàn đúng với họ, chiếm 65%) và “*nghề dạy học rất phù hợp với tính cách bản thân*” với ĐTB là 3,80 (223/300 SV tự đánh giá “*đa phần đúng*” và “*hoàn toàn đúng*”, chiếm 74,4%). Đây là một dấu hiệu đáng mừng để giúp các em có động lực trong học tập và rèn luyện. Qua trao đổi, một số SV cho biết qua quá trình học, các em thấy ngành học chưa phù hợp với tính cách và nguyện vọng của bản thân. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng, nhà trường cần thay đổi về nội dung và phương thức đào tạo để các em có hứng thú trong học tập có sự và yêu thích đối với nghề đã chọn.

2.3. Xu hướng nghề nghiệp của sinh viên qua hành động

Bảng 3. Tự đánh giá xu hướng nghề nghiệp thông qua hành động học tập

STT	Hành động học tập	ĐTB	ĐLC
<i>Học tập trên lớp</i>		3,60	0,56
1	Chăm chú nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ	3,60	0,89
2	Tích cực trao đổi với bạn về những vấn đề trong môn học, nghiệp vụ	3,49	0,76
3	Tích cực trao đổi với GV về những vấn đề chưa hiểu	3,21	0,84
4	Tích cực rèn luyện, thực hành tay nghề trên lớp	3,68	0,78
5	Luôn đi học đầy đủ	4,01	0,83
<i>Học tập ở nhà</i>		3,56	0,50
1	Chuẩn bị bài đầy đủ.	3,75	0,78
2	Đọc, tham khảo tài liệu học tập theo hướng dẫn của GV	3,43	0,75
3	Luôn nỗ lực vượt qua khó khăn để học tập	3,64	0,75
4	Tích cực nghiên cứu tài liệu liên quan đến ngành học ngay cả khi GV không yêu cầu	3,21	0,78
5	Tích cực tập giảng, hát, múa, làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ	3,77	0,75
<i>Các hoạt động khác</i>		3,18	0,57
1	Học các chuyên đề về GDMN	3,32	0,83
2	Tham gia các buổi hoạt động ngoại khóa	3,10	0,81
3	Tham gia hội thi nghiệp vụ SP	3,03	0,97
4	Tham gia câu lạc bộ chuyên ngành	3,04	0,91
5	Xuống trường mầm non để quan sát, rèn luyện, học hỏi kinh nghiệm	3,39	0,87
ĐTB chung		3,45	

Hành động với nghề được xem là cơ sở đánh giá xu hướng nghề rõ nhất. Kết quả khảo sát xu hướng nghề SP của SV GDMN được thể hiện khá tích cực trong hoạt động (ĐTB chung 3,45). Trong 3 nhóm được đề cập, nhóm “Học tập trên lớp” được SV GDMN thực hiện tích cực hơn cả với ĐTB 3,60 (đạt mức độ “Cần thiết”); còn với nhóm “Các hoạt động khác” ĐTB chỉ đạt 3,18 (dừng lại ở mức “Bình thường”). Qua đó, có thể khẳng định rằng, SV GDMN của Trường chỉ tập trung vào các hoạt động học tập, chưa tích cực tham gia vào các hoạt động ngoại khóa, hoạt động chuyên ngành. L.T.M.D, SV năm thứ hai, lớp CM16A cho rằng: “*Lịch học rất dày, phải đi tập giảng, thực tập... nên dù có muốn tham gia nhiều cũng rất khó*”; hoặc “*Em vẫn biết đây là những hoạt động rất có ý nghĩa nhưng ít có hứng thú tham gia, vì lịch học dày và cách tổ chức của các hoạt động câu lạc bộ, hội thi chưa hấp dẫn*” (T.T.K.T, SV năm thứ nhất, lớp CM17B). Đây được xem là một hạn chế khi các em tiếp cận thực tiễn.

Với nội dung “Học tập trên lớp”, hoạt động mà SV GDMN thực hiện thường xuyên nhất là “đi học đầy đủ” (223/300 SV chiếm 74,3%). Mặt khác, SV GDMN cũng thường xuyên chăm chú nghe giảng, ghi chép (chiếm 61,7%) và tích cực rèn luyện tay nghề trên lớp (chiếm 66%). Có thể nói, đây là những yêu cầu cơ bản đảm bảo hoạt động học tập của SV GDMN có hiệu quả. Khi được trò chuyện về vấn đề này, một số SV chia sẻ “*Chúng em luôn cố gắng học đầy đủ vì hầu như buổi học nào thầy cô cũng điểm danh nên cho dù không thích, chúng em vẫn cố gắng đi học*” (T.T.T.N, SV năm thứ nhất, lớp CM17A); hay “*Với ngành này, chúng em phải tập lên tiết, tổ chức hoạt động rất nhiều. Vì thế bắt buộc phải soạn giáo án (kế hoạch hoạt động), chuẩn bị đồ dùng, học liệu, tập giảng trong nhóm... Tuy vất vả nhưng em vẫn phải cố gắng, nếu không sẽ bị giáo viên cho về vì không hoàn thành nhiệm vụ*” (P.H.T, SV năm thứ hai, lớp 20M).

Bên cạnh đó, nhóm “Học tập ở nhà” cũng được SV GDMN thực hiện khá thường xuyên và tích cực, đa phần các nội dung đều đạt ở mức thứ 4 “Thường xuyên”. SV GDMN rất có ý thức trong việc chuẩn bị bài ở nhà (201/300 SV, chiếm 67%), tích cực tập giảng, hát, múa, làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ (212/300 SV, chiếm 70,7%) và luôn nỗ lực vượt qua khó khăn để học tập (179/300 SV, chiếm 59,7%). Điều đó cho thấy, các em rất chăm chỉ, chịu khó vươn lên trong học tập và rèn luyện. Đây cũng được xem là một trong những phẩm chất quý giá và cần thiết, không những giúp các em đạt kết quả cao trong học tập mà còn thành công khi hành nghề. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng, vẫn còn khá nhiều SV chưa tích cực học tập, rèn luyện; điều đó chứng tỏ xu hướng nghề còn thấp và nhà trường cần có những giải pháp cấp bách để tạo cho các em yên tâm với nghề đã chọn.

2.4. Các yếu tố tác động tới xu hướng nghề sư phạm của sinh viên

Bảng 4. Các yếu tố tác động tới xu hướng nghề SP ở SV

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	ĐTB	ĐLC
<i>Yếu tố chủ quan</i>		3,16	0,990
1	Hứng thú với nghề dạy trẻ	3,15	1,187
2	Nghề phù hợp với năng lực bản thân	3,14	1,168
3	Muốn trở thành giáo viên mầm non	3,23	1,220
4	Muốn đem tri thức đến cho trẻ	3,33	1,762
5	Muốn cống hiến sức lực cho xã hội	3,03	1,143
<i>Yếu tố khách quan</i>		3,69	0,631
1	Nghề dễ xin việc	4,09	0,857
2	Muốn được như thầy cô mình đã học	3,74	1,227
3	Muốn theo truyền thống gia đình	3,18	1,215
4	Nghề dễ phát triển tương lai cho bản thân	3,65	0,937
5	Nghề xã hội đánh giá cao	3,79	0,964
ĐTB chung		3,425	

Bảng 4 cho thấy, lựa chọn nghề SP của SV GDMN được tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau. Mặc dù các yếu tố tác động đến xu hướng nghề SP của SV GDMN đạt mức độ khá hài hòa và tích cực với ĐTB chung là 3,42 (đạt mốc mức thứ 4 “*Đa phần đúng với tôi*”) nhưng khi xét về hai nhóm yếu tố tác động tới xu hướng nghề SP của các em thì có sự chênh lệch đáng kể, nhóm yếu tố đóng vai trò quan trọng, quyết định xu hướng nghề SP đối với các em lại là nhóm yếu tố khách quan với ĐTB khá cao 3,69 (tương ứng với mức thứ 4 “*Đa phần đúng với tôi*”), trong khi đó, nhóm yếu tố chủ quan lại xếp vị trí sau với ĐTB chỉ có 3,16 (tương ứng với mức thứ 3 “*Nửa đúng, nửa sai*”). Qua đó, có thể khẳng định rằng, SV GDMN đến với nghề SP chủ yếu là do những yếu tố tác động bên ngoài, chứ chưa xuất phát từ những nhu cầu, mong muốn bên trong của bản thân các em.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu xu hướng nghề SP của SV cho thấy, lí do chọn nghề của SV chưa thực sự thuyết phục. Các em chọn nghề SP chủ yếu do gia đình định hướng, do không phải đóng học phí, chưa gắn với hứng thú, sở thích của các em đối với nghề nghiệp. Trong quá trình học tập, số lượng SV nhận thấy nghề SP là đúng đắn, phù hợp với mong muốn nguyện vọng của cá nhân chiếm tỉ lệ thấp. Từ đó, trường SP cần nâng cao nhận thức tốt hơn cho SV về nghề SP và giá trị của nghề SP để các em có sự định hướng tốt hơn khi học tập, rèn luyện.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Hồng (1995). *Tâm lí học sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thạch, Phạm Thành Nghị (2007). *Tâm lí học sư phạm đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thị Kim Nhung, Lương Thị Thành Vinh (2018). *Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông tại Nghệ An*. Tạp chí Giáo dục, số 431, tr 27-31; 53.
- Nguyễn Thị Tinh (2016). *Huy động nguồn lực phát triển chương trình đào tạo giáo viên theo định hướng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, tr 6-7; 20.
- Phạm Quang Tiếp (2012). *Một số vấn đề lí luận về tạo động cơ học tập cho người học*. Tạp chí Giáo dục, số 292, tr 20-21; 62.
- Phạm Tất Dong (2005). *Giáo dục hướng nghiệp* (sách giáo viên lớp 9). NXB Giáo dục.
- Phan Thị Tố Oanh (1996). *Nghiên cứu nhận thức nghề và lựa chọn nghề của học sinh trung học phổ thông*. Luận án tiến sĩ Khoa học - Tâm lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- V.A Cruchetxki (1981, người dịch: Thế Long). *Những cơ sở của tâm lí học sư phạm* (tập II). NXB Giáo dục.